TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **61**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-4-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hướng**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lơn**
Ông **Nguyễn Thế Vinh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà **Lê Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 868/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Bích N**, sinh năm 1987
Nơi cư trú: TDP A, phường H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Hải Q**, sinh năm 1980
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Bích N trình bày:

Bà và ông Trần Hải Q đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào năm 2005. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống, ông Q không có trách nhiệm với vợ con. Từ đầu tháng 10/2022 đến nay, bà và ông Q không còn sống chung với nhau nữa, bà đã về nhà mẹ đẻ của bà tại H để sinh sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn được. Hiện tại bà không còn tình cảm với ông Q nữa nên yêu cầu ly hôn ông Q.

Con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Trần Lê V – 15/8/2005 và Trần Lê H – sinh ngày 27/9/2008. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà N không yêu cầu giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Hải Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

3. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích N.

Về án phí: Bà Lê Thị Bích N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Xét thấy tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Hải Q đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Bà Lê Thị Bích N yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hải Q, nơi cư trú: thôn T, xã H, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã N theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Bích N và ông Trần Hải Q kết hôn tại UBND xã H, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 04/5/2005. Hội đồng xét xử xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà N yêu cầu ly hôn vì cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, ông Q không có trách nhiệm với vợ con. Từ đầu tháng 10/2022 bà và ông Q không còn sống chung với nhau nữa, bà đã về nhà mẹ đẻ của bà tại phường H để sinh sống, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt không thể hàn gắn được.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông Q vắng mặt trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa, chứng tỏ ông Q không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân giữa ông với bà N. Hội đồng xét xử xác định bà N và ông Q đã không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mâu thuẫn giữa bà N và ông Q đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

- Về con chung: Bà N và ông Q có 02 con chung là Trần Lê V – 15/8/2005 và Trần Lê H – sinh ngày 27/9/2008. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện tại bà N đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy, cháu Huy và 02 cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi cho các con. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bích N.

- Về hôn nhân: Bà Lê Thị Bích N được ly hôn ông Trần Hải Q.

- Về con chung: Giao cháu Trần Lê V – 15/8/2005 và Trần Lê H – sinh ngày 27/9/2008 cho bà Lê Thị Bích N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005482 ngày 06/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà N đã nộp đủ án phí.

Quy định chung: *Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- UBND xã Ninh Hưng (GCNKH 15/2005);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hướng